TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HNGĐ -ST
Ngày: 24 - 02 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thịnh.

2. Ông Nguyễn Văn Lam.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Quỳnh Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 67/2022/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lưu Đức T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1988; Nơi đăng ký cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; tạm trú: Tổ 4, ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 8 năm 2022, bản tự khai ngày 06 tháng 10 năm 2022 và tại phiên tòa anh Lưu Đức T trình bày:

Anh Lưu Đức T và chị Lê Thị L tự nguyện tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên đồng ý và đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 6 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị L chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian về sau thì phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện nay anh T, chị L không còn sống chung với nhau, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, không còn cách nào để hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Ngày 07/10/2019 anh T đã làm đơn xin ly hôn chị L tại Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, nhưng không được Tòa án chấp nhận và xử bác đơn. Tuy nhiên sau thời gian Tòa án xử bác đơn ly hôn, anh T nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm và nảy sinh thêm nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Lưu Đức T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Đức T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Lê Thị L.

Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng có ba con chung tên Lưu Hồng Nhật T, sinh ngày 20/3/2012, Lưu Hồng Q, sinh ngày 04/02/2015 và Lưu Hồng P, sinh ngày 13/02/2017. Khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lưu Hồng Nhật T, Lưu Hồng Q, giao con chung tên Lưu Hồng P cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lưu Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/11/2022 và bản tự khai ngày 27/12/2022 bị đơn chị Lê Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện tìm hiểu nhau, và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai vào ngày 02/6/2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung về tất cả các vấn đề trong cuộc sống vợ chồng. Hiện tại vợ chồng tự chăm lo cho cuộc sống của bản thân mà không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân và không có biện pháp để hàn gắn tình cảm, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn càng ngày nghiêm trọng, không thể hàn gắn lại với nhau, nhưng ban đầu chị L không đồng ý ly hôn vì giữa hai vợ chồng chưa giải quyết được vấn đề về nợ chung, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 27/12/2022 chị L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị L đồng ý ly hôn với anh Lưu Đức T.

- Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng có ba con chung tên Lưu Hồng Nhật T, sinh ngày 20/3/2012, Lưu Hồng Q, sinh ngày 04/02/2015 và Lưu Hồng P, sinh ngày 13/02/2017. Khi ly hôn chị L yêu cầu dược trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lưu Hồng P, giao con chung tên Lưu Hồng Nhật T, Lưu Hồng Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ngày 16 tháng 9 năm 2022 của cháu Lưu Hồng Q và Lưu Hồng Nhật T có nội dung: Trường hợp ba mẹ các cháu là Lưu Đức T và chị Lê Thị L được Tòa án cho ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được sống với ba là Lưu Đức T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào nội dung các hợp đồng mà các bên tham gia ký kết và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51, 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Căn cứ a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Đức T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Đức T được ly hôn với chị Lê Thị L.

[2] Về con chung: Giao hai con chung tên Lưu Hồng Nhật T, sinh ngày 20/3/2012, Lưu Hồng Q, sinh ngày 04/02/2015 cho anh Lưu Đức T được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao con chung tên Lưu Hồng P, sinh ngày 13/02/2017 cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cac con trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Anh Lưu Đức T và chị Lê Thị L đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lưu Đức T và chị Lê Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lưu Đức T và chị Lê Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Anh Lưu Đức T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0002567 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả hỏi tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Anh Lưu Đức T có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Lê Thị L. Chị Lê Thị L là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, chị Lê Thị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Đức T và chị Lê Thị L tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai vào ngày 02/6/2010 đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh T và chị L chung sống với nhau hạnh phúc, thời gian sau giữa anh T và chị L phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai người không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm. Hiện tại, anh T không còn sống chung với chị L và xác định không còn tình cảm với chị L. Tại bản tự khai của chị Lê Thị L ngày 27 tháng 12 năm 2022, chị L cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị L là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh Lưu Đức T và chị Lê Thị L thống nhất giữa vợ chồng anh chị có ba con chung tên Lưu Hồng Nhật T, sinh ngày 20/3/2012, Lưu Hồng Q, sinh ngày 04/02/2015 và Lưu Hồng P, sinh ngày 13/02/2017. Khi ly hôn anh T và chị L thống nhất giao con chung tên là Lưu Hồng Nhật T và Lưu Hồng Q cho anh Lưu Đức T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên là Lưu Hồng P cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời tại bản tự khai của cháu T và cháu Q trình bày có nguyện vọng được ở với ba anh Lưu Đức T. Như vậy nguyện vọng của các đương sự và của các con đủ 07 tuổi trở lên hoàn toàn phù hợp nhau. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Lưu Hồng Nhật T và

Lưu Hồng Q cho anh Lưu Đức T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Lưu Hồng Phong cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế là đảm bảo quyền L của các con và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lưu Đức T và chị Lê Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Anh Lưu Đức T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51, 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Đức T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Đức T được ly hôn với chị Lê Thị L.

[2] Về con chung: Giao hai con chung tên Lưu Hồng Nhật T, sinh ngày 20/3/2012, Lưu Hồng Q, sinh ngày 04/02/2015 cho anh Lưu Đức T được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao con chung tên Lưu Hồng P, sinh ngày 13/02/2017 cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Anh Lưu Đức T và chị Lê Thị L đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lưu Đức T và chị Lê Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lưu Đức T và chị Lê Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Anh Lưu Đức T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0002567 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/02/2023). Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã Trang, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai (số 12/2010);
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Quảng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
	Nguyễn Phú Quảng